

Số/No: 1639/2025/CV-SSI.CTHĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 9 năm 2025
Ho Chi Minh City, September 19th, 2025

V/v: Công bố Nghị quyết Hội đồng quản trị về việc thay
đổi niêm yết chứng quyền có bảo đảm

Re: *Disclose Resolution of the Board of Directors on the
change in listing of covered warrants*

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ *Vietnam Stock Exchange*
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh/ *Hochiminh Stock Exchange*
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ *Hanoi Stock Exchange*

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI**
Organization name **SSI SECURITIES CORPORATION**
- Mã chứng khoán: SSI
Ticker SSI
- Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh (Địa chỉ cũ: 72
Address Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh)
72 Nguyen Hue, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City (Former Address:
72 Nguyen Hue, Ben Nghe Ward, District 1, Ho Chi Minh City)
- Điện thoại liên hệ: 028-38242897
Telephone 028-38242897
- Fax: 028-38242997
- Email: congbothongtin@ssi.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/ *Contents of disclosure:*

Nghị quyết số 32/2025/NQ-HĐQT ngày 19/9/2025 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng
khoán SSI về việc thay đổi niêm yết chứng quyền có bảo đảm.

*Resolution No. 32/2025/NQ-HĐQT dated September 19th, 2025 of the Board of Directors of SSI
Securities Corporation on the change in listing of covered warrants.*

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 19/9/2025 tại
đường dẫn www.ssi.com.vn.

This information was posted on SSI website on September 19th, 2025 at this link www.ssi.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm
trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby declare to be responsible for the accuracy and completeness of the above information



Tài liệu đính kèm/ Attached documents:

- Nghị quyết số 32/2025/NQ-HĐQT
ngày 19/9/2025;
Resolution No. 32/2025/NQ-HĐQT
dated September 19th, 2025



Đại diện tổ chức

Organization representative

Người được ủy quyền công bố thông tin
Party authorized to disclose information

Nguyễn Kim Long
Giám đốc Luật và Kiểm soát tuân thủ
Director, Legal and Compliance





Số: 32/2025/NQ-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 9 năm 2025

**NGHỊ QUYẾT
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Về việc thay đổi niêm yết chứng quyền có bảo đảm**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI**

Căn cứ:

- Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI;
- Nghị quyết số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/01/2018 của Đại hội đồng cổ đông Công ty;
- Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐQT ngày 30/10/2024 của Hội đồng quản trị về việc chào bán chứng quyền có bảo đảm;
- Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐQT ngày 27/02/2025 của Hội đồng quản trị sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐQT ngày 30/10/2024;
- Nghị quyết số 26/2025/NQ-HĐQT ngày 15/8/2025 của Hội đồng quản trị về việc thay đổi niêm yết chứng quyền có bảo đảm;
- Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐQT ngày 15/8/2025 của Hội đồng quản trị sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐQT ngày 30/10/2024;
- Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐQT ngày 20/8/2025 của Hội đồng quản trị về việc thay đổi niêm yết chứng quyền có bảo đảm;
- Biên bản tổng hợp ý kiến của thành viên Hội đồng quản trị ngày 19/9/2025;



QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua việc thay đổi niêm yết (hủy niêm yết tự nguyện một phần) các chứng quyền có bảo đảm với nội dung như sau:

STT	Mã chứng khoán cơ sở	Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở	Mã chứng quyền	Tên chứng quyền	Số lượng chứng quyền đã phát hành	Số lượng chứng quyền niêm yết trước khi thay đổi niêm yết	Số lượng chứng quyền thay đổi niêm yết (giảm số lượng)	Số lượng chứng quyền sau khi thay đổi niêm yết
1	HPG	Công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	CHPG2519	Chứng quyền HPG/5M/SSI/C/EU/Cash-19	18.000.000	9.000.000	5.000.000	4.000.000
2	LPB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Lọc Phát Việt Nam	CLPB2503	Chứng quyền LPB/12M/SSI/C/EU/Cash-20	20.000.000	10.000.000	6.500.000	3.500.000
3	MBB	Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội	CMBB2503	Chứng quyền MBB/10M/SSI/C/EU/Cash-18	11.000.000	5.000.000	3.000.000	2.000.000

STT	Mã chứng khoán cơ sở	Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở	Mã chứng quyền	Tên chứng quyền	Số lượng chứng quyền đã phát hành	Số lượng chứng quyền niêm yết trước khi thay đổi niêm yết	Số lượng chứng quyền thay đổi niêm yết (giảm số lượng)	Số lượng chứng quyền sau khi thay đổi niêm yết
4	MBB	Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội	CMBB2504	Chứng quyền MBB/15M/SSI/C/EU/Cash-18	6.000.000	2.000.000	500.000	1.500.000
5	MBB	Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội	CMBB2512	Chứng quyền MBB/5M/SSI/C/EU/Cash-19	20.000.000	5.000.000	1.000.000	4.000.000
6	MBB	Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội	CMBB2513	Chứng quyền MBB/7M/SSI/C/EU/Cash-19	18.000.000	10.000.000	6.500.000	3.500.000
7	MBB	Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội	CMBB2516	Chứng quyền MBB/12M/SSI/C/EU/Cash-20	15.000.000	15.000.000	11.000.000	4.000.000
8	MBB	Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội	CMBB2517	Chứng quyền MBB/15M/SSI/C/EU/Cash-20	13.000.000	6.000.000	3.500.000	2.500.000
9	STB	Ngân Hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín	CSTB2516	Chứng quyền STB/5M/SSI/C/EU/Cash-19	12.000.000	12.000.000	8.500.000	3.500.000
10	TCB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam	CTCB2503	Chứng quyền TCB/10M/SSI/C/EU/Cash-18	12.000.000	6.000.000	3.500.000	2.500.000
11	VHM	Công ty cổ phần Vinhomes	CVHM2502	Chứng quyền VHM/10M/SSI/C/EU/Cash-18	18.000.000	5.000.000	2.000.000	3.000.000
12	VHM	Công ty cổ phần Vinhomes	CVHM2513	Chứng quyền VHM/5M/SSI/C/EU/Cash-19	27.000.000	14.000.000	8.000.000	6.000.000
13	VHM	Công ty cổ phần Vinhomes	CVHM2516	Chứng quyền VHM/12M/SSI/C/EU/Cash-20	10.000.000	10.000.000	7.500.000	2.500.000
14	VIB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam	CVIB2506	Chứng quyền VIB/5M/SSI/C/EU/Cash-19	21.000.000	6.000.000	1.500.000	4.500.000
15	VIB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam	CVIB2505	Chứng quyền VIB/7M/SSI/C/EU/Cash-19	15.000.000	15.000.000	11.000.000	4.000.000

- C.F.
 3 TY
 HAN
 KHOA
 SI
 HO E

STT	Mã chứng khoán cơ sở	Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở	Mã chứng quyền	Tên chứng quyền	Số lượng chứng quyền đã phát hành	Số lượng chứng quyền niêm yết trước khi thay đổi niêm yết	Số lượng chứng quyền thay đổi niêm yết (giảm số lượng)	Số lượng chứng quyền sau khi thay đổi niêm yết
16	VIB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam	CVIB2508	Chứng quyền VIB/12M/SSI/C/EU/Cash-20	20.000.000	20.000.000	14.000.000	6.000.000
17	VIC	Tập đoàn Vingroup - Công ty CP	CVIC2502	Chứng quyền VIC/10M/SSI/C/EU/Cash-18	15.000.000	4.000.000	1.500.000	2.500.000
18	VPB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng	CVPB2514	Chứng quyền VPB/5M/SSI/C/EU/Cash-19	24.000.000	12.000.000	7.500.000	4.500.000
19	VPB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng	CVPB2515	Chứng quyền VPB/7M/SSI/C/EU/Cash-19	20.000.000	7.000.000	3.000.000	4.000.000
20	VPB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng	CVPB2501	Chứng quyền VPB/10M/SSI/C/EU/Cash-18	15.000.000	7.000.000	3.500.000	3.500.000
21	VPB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng	CVPB2516	Chứng quyền VPB/12M/SSI/C/EU/Cash-20	20.000.000	10.000.000	6.500.000	3.500.000
22	VPB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng	CVPB2502	Chứng quyền VPB/15M/SSI/C/EU/Cash-18	8.000.000	4.000.000	2.000.000	2.000.000

Điều 2: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc, các bộ phận, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- HĐQT, HĐQT, BTGD;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Nguyễn Duy Hưng



No. 32/2025/NQ-HĐQT

Ho Chi Minh City, September 19th, 2025

**THE RESOLUTION
OF THE BOARD OF DIRECTORS
On the change in listing of covered warrants**

**THE BOARD OF DIRECTORS
SSI SECURITIES CORPORATION**

Pursuant to:

- The Charter of SSI Securities Corporation;
- Resolution No. 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ dated January 12th, 2018 of the General Meeting of Shareholders;
- Resolution No. 16/2024/NQ-HĐQT dated October 30th, 2024 of the Board of Directors on covered warrants offering;
- Resolution No. 04/2025/NQ-HĐQT dated February 27th, 2025 of the Board of Directors on amendment, supplement to the Resolution No. 16/2024/NQ-HĐQT dated October 30th, 2024;
- Resolution No. 26/2025/NQ-HĐQT dated August 15th, 2025 of the Board of Directors of SSI Securities Corporation on the change in listing of covered warrants;
- Resolution No. 27/2025/NQ-HĐQT dated August 15th, 2025 of the Board of Directors on amendment, supplement to the Resolution No. 16/2024/NQ-HĐQT dated October 30th, 2024;
- Resolution No. 28/2025/NQ-HĐQT dated August 20th, 2025 of the Board of Directors of SSI Securities Corporation on the change in listing of covered warrants;
- The minutes of collecting voting opinions of members of the Board of Directors dated September 19th, 2025;



RESOLVED:

Article 1: Approve the change in listing (voluntary partial delisting) of covered warrants with the following details:

STT	Underlying security code	Issuer of underlying security	Covered warrant code	Covered warrant name	Number of warrants issued	Number of warrants listed before delisting	Number of warrants delisted (reduced)	Number of warrants remaining after delisting
1	HPG	Hoa Phat Group Joint Stock Company	CHPG2519	Covered warrant HPG/5M/SSI/C/EU/Cash-19	18,000,000	9,000,000	5,000,000	4,000,000
2	LPB	Fortune Vietnam Joint Stock Commercial Bank	CLPB2503	Covered warrant LPB/12M/SSI/C/EU/Cash-20	20,000,000	10,000,000	6,500,000	3,500,000

STT	Underlying security code	Issuer of underlying security	Covered warrant code	Covered warrant name	Number of warrants issued	Number of warrants listed before delisting	Number of warrants delisted (reduced)	Number of warrants remaining after delisting
3	MBB	Military Commercial Joint Stock Bank	CMBB2503	Covered warrant MBB/10M/SSI/C/EU/Cash-18	11,000,000	5,000,000	3,000,000	2,000,000
4	MBB	Military Commercial Joint Stock Bank	CMBB2504	Covered warrant MBB/15M/SSI/C/EU/Cash-18	6,000,000	2,000,000	500,000	1,500,000
5	MBB	Military Commercial Joint Stock Bank	CMBB2512	Covered warrant MBB/5M/SSI/C/EU/Cash-19	20,000,000	5,000,000	1,000,000	4,000,000
6	MBB	Military Commercial Joint Stock Bank	CMBB2513	Covered warrant MBB/7M/SSI/C/EU/Cash-19	18,000,000	10,000,000	6,500,000	3,500,000
7	MBB	Military Commercial Joint Stock Bank	CMBB2516	Covered warrant MBB/12M/SSI/C/EU/Cash-20	15,000,000	15,000,000	11,000,000	4,000,000
8	MBB	Military Commercial Joint Stock Bank	CMBB2517	Covered warrant MBB/15M/SSI/C/EU/Cash-20	13,000,000	6,000,000	3,500,000	2,500,000
9	STB	Sai Gon Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank	CSTB2516	Covered warrant STB/5M/SSI/C/EU/Cash-19	12,000,000	12,000,000	8,500,000	3,500,000
10	TCB	Vietnam Technological and Commercial Joint Stock Bank	CTCB2503	Covered warrant VPB/10M/SSI/C/EU/Cash-18	12,000,000	6,000,000	3,500,000	2,500,000
11	VHM	Vinhomes Joint Stock Company	CVHM2502	Covered warrant VHM/10M/SSI/C/EU/Cash-18	18,000,000	5,000,000	2,000,000	3,000,000
12	VHM	Vinhomes Joint Stock Company	CVHM2513	Covered warrant VHM/5M/SSI/C/EU/Cash-19	27,000,000	14,000,000	8,000,000	6,000,000
13	VHM	Vinhomes Joint Stock Company	CVHM2516	Covered warrant VHM/12M/SSI/C/EU/Cash-20	10,000,000	10,000,000	7,500,000	2,500,000
14	VIB	Vietnam International Commercial Joint Stock Bank	CVIB2506	Covered warrant VIB/5M/SSI/C/EU/Cash-19	21,000,000	6,000,000	1,500,000	4,500,000

C.T.C.
 G. T.Y.
 PHÂN
 3 KHOẢN
 SSI
 TP. HỒ CHÍ MINH

STT	Underlying security code	Issuer of underlying security	Covered warrant code	Covered warrant name	Number of warrants issued	Number of warrants listed before delisting	Number of warrants delisted (reduced)	Number of warrants remaining after delisting
15	VIB	Vietnam International Commercial Joint Stock Bank	CVIB2505	Covered warrant VIB/7M/SSI/C/EU/Cash-19	15,000,000	15,000,000	11,000,000	4,000,000
16	VIB	Vietnam International Commercial Joint Stock Bank	CVIB2508	Covered warrant VIB/12M/SSI/C/EU/Cash-20	20,000,000	20,000,000	14,000,000	6,000,000
17	VIC	Vingroup Joint Stock Company	CVIC2502	Covered warrant VIC/10M/SSI/C/EU/Cash-18	15,000,000	4,000,000	1,500,000	2,500,000
18	VPB	Vietnam Prosperity Joint Stock Commercial Bank	CVPB2514	Covered warrant VPB/5M/SSI/C/EU/Cash-19	24,000,000	12,000,000	7,500,000	4,500,000
19	VPB	Vietnam Prosperity Joint Stock Commercial Bank	CVPB2515	Covered warrant VPB/7M/SSI/C/EU/Cash-19	20,000,000	7,000,000	3,000,000	4,000,000
20	VPB	Vietnam Prosperity Joint Stock Commercial Bank	CVPB2501	Covered warrant VPB/10M/SSI/C/EU/Cash-18	15,000,000	7,000,000	3,500,000	3,500,000
21	VPB	Vietnam Prosperity Joint Stock Commercial Bank	CVPB2516	Covered warrant VPB/12M/SSI/C/EU/Cash-20	20,000,000	10,000,000	6,500,000	3,500,000
22	VPB	Vietnam Prosperity Joint Stock Commercial Bank	CVPB2502	Covered warrant VPB/15M/SSI/C/EU/Cash-18	8,000,000	4,000,000	2,000,000	2,000,000

Article 2: This Resolution takes effect from the signing date. Members of the Board of Directors, members of the Board of Management, related departments and individuals of SSI shall take responsibility for the implementation of this Resolution.

Recipients:

- Article 2;
- BOD, BOI, BOM;
- For archives.

ON BEHALF OF THE BOARD OF DIRECTORS

THE CHAIRMAN



Nguyễn Duy Hưng